

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Số 48, , tổ 13, ấp 3, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn C, sinh năm:1974; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020, các biên bản lấy lời khai đương sự, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh C chung sống với nhau từ năm 2001, do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý, nhưng không có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 25/5/2005. Trong thời gian sống chung vợ CH không hạnh phúc, do chị H không có tình cảm và nghe lời cha mẹ nên mới chung sống với anh C, phát sinh nhiều mâu thuẫn với gia đình bên chồng, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng ý kiến, anh C không lo làm ăn, thường hay ăn chơi thiếu nợ, chị H

khuyên không được hay cự cãi với nhau. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, không hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên không thể tiếp tục sống chung được nữa và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân anh C có đến gặp mặt chị, khuyên chị về chung sống nhưng chị không đồng ý. Về con chung có 02 người con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 18/10/2002, đang sống chung với anh C và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/10/2013, đang sống chung với chị H. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị H yêu cầu: Ly hôn với anh C, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng, thống nhất giao cháu Chí L cho anh C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con cho anh C. Tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh C và chị H chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, anh không có đánh đập, hành hạ, nhưng do chị H mâu thuẫn với mẹ chồng và tự động bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 đến nay. Anh có đến gặp chị H khuyên bảo đề nghị hàn gắn về chung sống với nhau để nuôi dạy con, nhưng chị H không đồng ý.

Nay anh C yêu cầu: Không thống nhất ly hôn với chị H, muốn hàn gắn với chị H, để vợ chồng cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con. Con chung thống nhất theo yêu cầu của chị H. Tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Trong thời gian chung sống thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình bên chồng và bị em chồng đánh đập, nhưng anh C không bênh vực, giải quyết mâu thuẫn, anh C còn kiểm soát việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặt khác, chị và anh C không có tổ chức đám cưới, do gia đình hai bên mai mối, bị cha mẹ ép buộc, nên chị không có tình cảm với anh C. Nay chị H cương quyết ly hôn với anh C, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng, thống nhất giao cháu Chí L cho anh C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con cho anh C. Tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh C trình bày: Anh vẫn còn tình cảm với chị H, khi vợ chồng ly thân, anh có đến nhà cha mẹ vợ gặp chị H nhưng chị H bỏ trốn không chịu gặp, nên không có cơ hội hàn gắn. Hàng ngày anh đi làm thuê, có nhà ở riêng, có biết việc chị H mâu thuẫn với cha mẹ và anh chị em bên chồng, có khuyên chị H nhịn mà sống nhưng chị H không chịu bỏ đi, anh không có đánh đập hoặc khó khăn với chị H. Nay anh C không thống nhất ly hôn, con chung thống nhất theo yêu cầu của chị H, giao cháu Bích T cho chị H nuôi dưỡng, anh C nuôi dưỡng cháu Chí L, không yêu cầu cấp dưỡng cho các con, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa

phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh C, cho chị H ly hôn với anh C. Về con chung chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí L, sinh ngày 18/10/2002 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu; Giao cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/10/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh C, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Đ, xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị H và anh C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh C, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh C là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh và chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, mâu thuẫn với gia đình bên chồng, nhưng anh chị và gia đình hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm. Xuất phát từ việc mâu thuẫn trong gia đình, hai anh chị không cố gắng dung hòa, khắc phục, sửa đổi bản tính để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc con để các con có một gia đình hạnh phúc trọn vẹn, chị H cương quyết ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị H và anh C không có

sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột kéo dài, không thể hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh C phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 18/10/2002 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/10/2013. Chị H và anh C thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung, giao cháu Chí L cho anh C nuôi dưỡng và giao cháu Bích T cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Việc thỏa thuận nuôi con chung giữa chị H và anh C là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Chí L cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu Bích T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H và anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho các con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, chị H và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu L và cháu T không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn C, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn C.

Giao cháu Nguyễn Chí L, sinh ngày 18/10/2002 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng cho cháu Chí L do anh C không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Giao cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng cho cháu Bích T do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị H hoặc anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H hoặc anh C không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H hoặc anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị H hoặc anh C.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0002135 ngày 06/8/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị H không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2020).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã B, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ